

Hoạt động xuất khẩu hàng hóa ở Đàng Ngoài thế kỷ XVII-XVIII

Lê Thùy Linh*

Tóm tắt: Trong thế kỷ XVII-XVIII, chính sách giao thương nổi bật của chính quyền Lê - Trịnh là nắm độc quyền ngoại thương. Trong phần lớn thế kỷ XVII, nhà nước thực thi chính sách thương mại cởi mở. Tuy nhiên, từ cuối thế kỷ XVII sang thế kỷ XVIII, chính sách giao thương dần trở nên khắt khe hơn, làm hạn chế đáng kể hoạt động thương mại tự do tại Đại Việt. Do đó, nhà nước đóng vai trò ngày càng quan trọng trong việc tổ chức và kiểm soát chặt chẽ hơn các hoạt động xuất khẩu hàng hóa. Trong khi đó, cộng đồng thương nhân tại Đàng Ngoài trong thế kỷ XVII-XVIII đa dạng, bao gồm thương nhân người Việt, người Hoa, người Nhật Bản, người Hà Lan, người Anh, người Pháp và các quốc gia khác cũng gia nhập thị trường Đàng Ngoài. Các lực lượng thương nhân này cùng với thương nhân người Việt đã tạo nên thị trường giao thương sôi động trong thế kỷ XVII. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Đàng Ngoài trong giai đoạn này bao gồm tơ lụa, gốm sứ, vàng, xạ hương và quế. Sự thay đổi về chính sách và cách ứng xử của triều đình Lê - Trịnh là một trong những nguyên nhân quyết định dẫn đến hoạt động xuất khẩu dần trở nên sa sút. Bài viết tập trung phân tích hoạt động xuất khẩu các mặt hàng trong bối cảnh những biến động về chính sách của nhà nước Lê - Trịnh và những tác động của hoạt động xuất khẩu hàng hóa đối với nền kinh tế Đàng Ngoài trong thế kỷ XVII-XVIII.

Từ khóa: xuất khẩu; hàng hóa; Đàng Ngoài; thế kỷ XVII-XVIII.

Ngày nhận: 09/10/2025; ngày chỉnh sửa: 08/01/2026; ngày chấp nhận đăng: 28/02/2026

DOI: <https://doi.org/10.33100/vjossh.2026.12.1.2>

1. Mở đầu

Nằm ở vị trí “ngã tư các tộc người và các nền văn minh” (Jansé 2009: 10-21, 63-73), thế kỷ XVII-XVIII, Đại Việt là cầu chuyển giao của nhiều hoạt động thương mại trong khu vực. Tác động bởi bối cảnh quốc tế, đặc biệt là mạng lưới thương mại biển Đông, nền kinh tế hàng hóa Đàng Ngoài có những biến chuyển mạnh mẽ. Sự

phát triển của kinh tế công thương nghiệp góp phần quan trọng vào sự hưng thịnh của toàn bộ nền kinh tế. Dưới tác động của kỷ nguyên thương mại, sự năng động của thương nhân phương Đông như Trung Quốc, Nhật Bản, thương nhân phương Tây như Hà Lan, Anh, Pháp, v.v. cùng với sự chuyển biến trong hoạt động của thương nhân người Việt, nền công, thương nghiệp nói riêng và toàn bộ nền kinh tế Đàng Ngoài nói chung thế kỷ XVII-XVIII có những nhân tố tích cực để phát triển. Nền sản xuất hàng hóa đã

* Viện Sử học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam;
email: thuylinhvsh@gmail.com

“thâm nhập vào nền kinh tế phong kiến tự nhiên” (Đoàn Trọng Truyến 1960: 7), góp phần làm thay đổi cơ cấu kinh tế phong kiến. Sự khởi sắc của kinh tế nông nghiệp và kinh tế công thương trong các thế kỷ XVII-XVIII đã tạo cơ sở quan trọng cho hoạt động xuất khẩu hàng hóa ở Đàng Ngoài. Bên cạnh đó, là chính sách của chính quyền Lê - Trịnh ở một số thời điểm nhất định đã tạo điều kiện tích cực cho các lực lượng thương nhân, bao gồm cả thương nhân phương Đông và phương Tây đồng thời hoạt động ở Đàng Ngoài. Do đó, các hoạt động xuất khẩu và nhập khẩu hàng hóa được thúc đẩy. Tuy nhiên, trong bối cảnh chính trị, quân sự nhay cảm của Đại Việt thế kỷ XVII-XVIII, chính sách của chính quyền Lê - Trịnh lại là yếu tố dễ biến đổi nhưng lại có tác động trực tiếp đối với việc xuất khẩu hàng hóa. Còn hoạt động xuất khẩu hàng hóa lại ghi dấu những tác động đối với một số khía cạnh quan trọng của nền kinh tế Đàng Ngoài trong các thế kỷ này.

Trong các nghiên cứu đi trước, hoạt động xuất khẩu hàng hóa được đề cập đến như là một bộ phận của kinh tế ngoại thương mà chưa có một chuyên khảo nào đi sâu nghiên cứu vấn đề hoạt động xuất khẩu hàng hóa ở Đàng Ngoài trong các thế kỷ XVII-XVIII. Những năm 50, 60 của thế kỷ XX, thương nghiệp trong mối tương quan với thủ công nghiệp được đề cập đến trong công trình nghiên cứu *Tình hình công thương nghiệp Việt Nam trong thời Lê Mạt* của Vương Hoàng Tuyên (1959). Chỉ đến nghiên cứu *Ngoại thương Việt Nam hồi thế kỷ XVII, XVIII và đầu XIX* của Thành Thế Vỹ (1961), thương nghiệp mới trở thành một đối tượng nghiên cứu độc lập. Tuy nhiên, tài liệu này được xuất bản cách ngày nay hơn nửa thế kỷ, quan điểm và nguồn sử liệu cần được bổ sung, cập nhật. Từ những năm 80 của thế kỷ XX, vấn đề thương nghiệp Việt Nam từng bước được nghiên cứu một cách hệ thống. Trên cơ sở khai thác những nguồn tài liệu

mới từ phương Tây (trọng tâm là Anh, Hà Lan, Pháp), nhiều học giả trong nước đã có những nghiên cứu chuyên sâu, đặc biệt là lĩnh vực ngoại thương Đàng Ngoài thế kỷ XVII-XVIII. Đặc biệt, thập niên đầu thế kỷ XXI trở lại đây, vấn đề ngoại thương được nghiên cứu một cách hệ thống với số lượng tác giả cũng như công trình nghiên cứu ngày một nở rộ. Tiêu biểu là những công trình của Nguyễn Thừa Hỷ, Nguyễn Quang Ngọc, Nguyễn Văn Kim, Hoàng Anh Tuấn. Một số nghiên cứu của Nguyễn Thừa Hỷ (1994a): “Pho Hien as Seen from Foreign Sources” (Phố Hiến qua các nguồn tư liệu nước ngoài); Nguyễn Thừa Hỷ (1994b): “Sông Đàng Ngoài và Domea - Một đô thị cổ đã biến mất?”; Nguyễn Thừa Hỷ (2006): “Phải chăng ngoại thương tư nhân Việt Nam đã phát triển từ thế kỷ XVIII?”, Nguyễn Thừa Hỷ (2009): “Những thương nhân Hà Lan đầu tiên đến Đàng Ngoài và Kê Chợ năm 1637” và một số nghiên cứu của Nguyễn Quang Ngọc (2001): “Sông Đàng Ngoài và vị thế phố Hiến xưa”, Nguyễn Quang Ngọc (2006-2007): “Hệ thống cảng biển vùng Đông Bắc thế kỷ XI - XIX - Lịch sử và hiện trạng”, Nguyễn Quang Ngọc (2008): “Domea trong hệ thống thương mại Đàng Ngoài thế kỷ XVII - XVIII”, v.v. đã phân tích được quan hệ giao thương giữa Đại Việt với một số nước thông qua những hoạt động ở các trung tâm đô thị và thương cảng. Bên cạnh đó còn có nghiên cứu của Nguyễn Văn Kim (2002): “Hệ thống buôn bán ở biển Đông thế kỷ XVI - XVII và vị trí của một số thương cảng Việt Nam” (Một cái nhìn từ điều kiện Địa - Nhân văn) và công trình của Đỗ Thị Thùy Lan (2016): *Hệ thống cảng thị trên sông Đàng Ngoài: Lịch sử ngoại thương Việt Nam thế kỷ XVII-XVIII* góp phần làm rõ hơn tình hình ngoại thương trong các thế kỷ XVI-XVIII. Với trọng tâm là nghiên cứu mối quan hệ Nhật Bản - Việt Nam, Nguyễn Văn Kim góp phần làm rõ tình hình ngoại thương của Đại Việt thế kỷ XVII-XVIII qua một số công

trình nghiên cứu, tiêu biểu như: Nguyễn Văn Kim (2003a): *Quan hệ của Nhật Bản với Đông Nam Á thế kỷ XV - XVII*; Nguyễn Văn Kim (2003b): *Nhật Bản với châu Á - Những mối liên hệ lịch sử và chuyển biến kinh tế - xã hội*, v.v. Trên cơ sở những nghiên cứu chuyên sâu và sự khai mở những nguồn tài liệu nước ngoài, khoảng trống trong vấn đề ngoại thương Đại Việt nói chung, Đàng Ngoài thế kỷ XVII-XVIII nói riêng từng bước được khóa lấp.

Vấn đề xuất khẩu hàng hóa ở Đàng Ngoài thế kỷ XVII-XVIII được thể hiện rõ nét hơn trong những nghiên cứu của Hoàng Anh Tuấn. Khai thác hiệu quả những nguồn tài liệu phương Tây, đặc biệt tư liệu của Anh và Hà Lan, Hoàng Anh Tuấn (2004, 2005, 2006, 2007a, 2007b, 2008, 2009a, 2009b, 2010a, 2010b, 2010c, 2024) đã góp phần phục dựng lại tình hình ngoại thương của Đại Việt thế kỷ XVII-XVIII. Tác giả đã công bố một số nghiên cứu chuyên sâu về thương mại Đại Việt thế kỷ XVII-XVIII, tiêu biểu như: “Mậu dịch gốm sứ của Công ty Đông Ấn Hà Lan với Đàng Ngoài nửa sau thế kỷ XVII”, “Kế hoạch Đông Á và thất bại của Công ty Đông Ấn Anh ở Đàng Ngoài thập niên 70 của thế kỷ XVII”, “Mậu dịch tơ lụa của Công ty Đông Ấn Hà Lan với Đàng Ngoài, 1637-1670”, “Hải cảng miền Đông Bắc và hệ thống thương mại Đàng Ngoài thế kỷ XVII (qua các nguồn tư liệu phương Tây)”, “Gốm sứ Đàng Ngoài xuất khẩu ra Đông Nam Á thế kỷ XVII: Tư liệu và nhận thức”, “Công ty Đông Ấn Hà Lan ở Đàng Ngoài, 1637-1700”, “Vải lụa và xạ hương xuất khẩu từ Đàng Ngoài sang Hà Lan thế kỷ XVII”, “Kim loại tiền Nhật Bản và chuyển biến kinh tế - xã hội Đàng Ngoài thế kỷ XVII”, “Xuất khẩu vàng từ Đàng Ngoài sang Coromandel thế kỷ XVII”, v.v.. Bên cạnh đó, những công trình tư liệu như: *Tư liệu các công ty Đông Ấn Hà Lan và Anh về Kê Chợ - Đàng Ngoài thế kỷ XVII, Công ty Đông Ấn Anh ở Đàng Ngoài 1672-1697*

cung cấp những tư liệu quan trọng không chỉ đối với nghiên cứu vấn đề xuất khẩu hàng hóa ở Đàng Ngoài thế kỷ XVII-XVIII mà còn đặc biệt hữu ích đối với nghiên cứu lịch sử kinh tế, ngoại giao, văn hóa Việt Nam thời trung đại.

Bên cạnh đó, một số nguồn tài liệu nước ngoài tiêu biểu như các chuyên khảo “Le comptoir Hollandais de Phó Hiến” (“Thương điểm Hà Lan ở Phó Hiến”) của G. Dumoutier, “Relatione del viaggio di Tunquin, nouvomente sco perto' [1626]” (Ghi chép về chuyến đi đến xứ Đàng Ngoài, vùng đất mới được phát hiện [1626]) của Giuliano Baldinotti và “Quelques documents Espagnols et Portugais sur l'Indochine aux XVI et XVIIe siècles” của A. Cabaton, *Những người châu Âu ở nước An Nam* của Charles B. Maybon, *Một chuyến du hành đến Đàng Ngoài năm 1688* của William Dampier đều chứa đựng những thông tin quý và là nguồn tham khảo cần thiết về các sản phẩm hàng hóa nói riêng và tình hình thương mại nói chung của Đại Việt trong các thế kỷ XVII-XVIII.

2. Chính sách ngoại thương của chính quyền Lê - Trịnh

Nhà nước nắm độc quyền về ngoại thương là đặc điểm chung, nổi bật của chính sách ngoại thương thời Lê - Trịnh trong các thế kỷ XVII-XVIII. Do đó, trong quá trình giao thương với các lực lượng thương nhân ngoại quốc, thông qua các phương thức giao dịch phức tạp, nhà nước thực thi biện pháp kiểm soát nghiêm ngặt nhưng lại có sự thiếu nhất quán. Phần lớn thế kỷ XVII, chính sách thương mại thoáng mở với tất cả các thương nhân từ các quốc gia trong khu vực và trên thế giới. Tuy nhiên, từ cuối thế kỷ XVII đến những thập niên đầu thế kỷ XVIII, chính sách thương mại của nhà nước ngày càng thắt chặt hơn, cản trở thương nhân các nước

đến tự do thông thương với Đại Việt. Vì lẽ đó, hiệu quả đạt được của kinh tế ngoại thương, đặc biệt trong thế kỷ XVIII đã bị hạn chế rất nhiều.

Thời gian đầu, vua Lê, chúa Trịnh, đặc biệt là họ Trịnh có thái độ đặc biệt cởi mở đối với người ngoại quốc nói chung và các thương nhân phương Tây nói riêng, mà không phân biệt lý do họ đến Đàng Ngoài vì tôn giáo hay thương mại. Chúa Trịnh Tráng thừa nhận rằng: “Còn về mối quan hệ hữu hảo buôn bán những việc đó đều thuận lòng người, tiện lợi cho dân chúng, há còn phải nói gì nữa?” (Nguyễn Thừa Hỷ 2010, *Thư Trịnh Tráng gửi các bề trên giáo đoàn dòng Tên ở Macao năm 1627*: 70). Trong bản tường trình về vương quốc Đàng Ngoài, giáo sĩ người Ý là Giuliano Baldinotti đã dành những lời đặc biệt tốt đẹp để nói về sự hiếu khách của nhà vua của Đàng Ngoài (ở đây có thể là vua Lê Thần Tông hoặc chúa Trịnh Tráng) đối với ông và đoàn thương nhân Bồ Đào Nha khi đến Đàng Ngoài năm 1626. Nhà vua cho 4 chiếc thuyền ra đón và hộ tống đoàn để bảo vệ khỏi sự cướp bóc, “ngài đã tiếp chúng tôi với dáng vẻ cực kỳ nhanh nhẹn, chào đón chúng tôi, thết đãi chúng tôi nhiều món ăn khác nhau và hứa sẽ giúp đỡ chúng tôi tất cả những gì chúng tôi cần dùng” (Nguyễn Thừa Hỷ 2010, *Bản tường trình về xứ Đàng Ngoài của cha Baldinotti*: 60). Trước sự thịnh tình của triều đình Lê - Trịnh, giáo sĩ Baldinotti từng đoán định rằng: “Tất cả những ân sủng mà ngài [chúa Trịnh Tráng] đã ban cho chúng tôi hình như đã xuất phát từ động cơ muốn có sự trao đổi buôn bán với những người Bồ Đào Nha, vì trong vương quốc đã lan truyền lời đồn đại rằng họ sẽ mang lại rất nhiều lợi lộc với những thứ mang theo trên tàu” (Nguyễn Thừa Hỷ 2010, *Bản tường trình về xứ Đàng Ngoài của cha Baldinotti*: 61).

Không chỉ với người Bồ Đào Nha, chúa Trịnh cũng đặc biệt chào đón đối với người Hà Lan. Khi mối quan hệ của thương nhân

Hà Lan với Đàng Trong trở nên khó khăn và không tìm được tiếng nói chung trong việc giao thương, thì dường như chính thịnh tình của chúa Trịnh đã trở thành động lực cho người Hà Lan đến thiết lập quan hệ buôn bán tại Đàng Ngoài vào tháng 4-1637. Điều này thể hiện qua lời của trưởng đoàn Carel Hartsinck nói với nhà chức trách địa phương khi qua cửa sông Giang (cửa Hội Thống, trấn Nghệ An): “...qua những đồng nghiệp Nhật Bản của mình, chúng tôi đã được thông báo đầy đủ về ý muốn tốt đẹp và lòng tốt của một vị Chúa, người mà khá sẵn lòng cho phép tất cả các khách thương đến đất nước của ngài để buôn bán và hơn thế còn bảo vệ họ rồi đặt họ dưới sự che chở an toàn của ngài” (Dixon 1883: 197). Trong thư gửi Phó Toàn quyền Hà Lan ở Đài Loan, Trịnh Tráng viết: “Mong muốn rằng tàu thuyền của ngài hàng năm sẽ đến mua và bán tùy sở thích” (Thành Thế Vỹ 1961: *Thư từ trao đổi về buôn bán*: 220). Chúa Trịnh đã đón tiếp hết sức nồng hậu và sau này có nhiều ưu đãi đặc biệt với người Hà Lan.

Người Pháp sớm thành công trong việc nhận được sự tin tưởng và ưu ái của triều đình Lê - Trịnh. Mặc dù hoạt động thương mại của người Pháp ở Đàng Ngoài thế kỷ XVII-XVIII không mấy sắc nét nhưng vua Lê, chúa Trịnh vẫn tạo điều kiện cho họ hoạt động trên đất Đàng Ngoài. Maybon (2006: 52-53) nhận định: “Thật khó xác định chính xác người Pháp buôn bán gì vào thời kỳ này” và cho biết thêm thông tin Giám đốc thương điểm Anh lần đầu đến Đàng Ngoài đã tưởng rằng trưởng và phó thương điểm của Pháp là những vị cha cố. Trong khoảng năm 1680-1682, thương điểm của Pháp được thành lập ở Phố Hiến nhưng không cải thiện được tình hình thông thương. Số lượng thương thuyền của Pháp sang Đàng Ngoài tương đối ít. Từ năm 1669 đến năm 1681 mới có 4 thương thuyền của Công ty Đông Ấn Pháp (CIO) cập bến Đàng Ngoài. Trong đó, chỉ có tàu chở hàng Tonquin đến Đàng

Ngoài năm 1680 có trọng tải 250 tấn, mang theo 3.000 réaux¹ hàng hóa, 2.000 écu² cùng các loại quà tặng, 2 bức thư để trình lên vua và Thái tử, còn lại những tàu thuyền đến trong các năm 1669, 1671, 1680, 1681 đều là tàu thuyền nhỏ (Nguyễn Mạnh Dũng 2016: 94-99).

Với các quốc gia trong khu vực, chính quyền Lê - Trịnh có mối quan hệ với Ai Lao, Ngọc Ma, Bôn Man, Miến Điện, Xiêm, Indonesia³, Philippines, v.v. và chủ động mở rộng quan hệ với các nước láng giềng “mỗi năm Chúa phái tàu tới các nước Campuchia và Thái Lan⁴, bởi vì những nước này không xa Đàng Ngoài và tàu thuyền không rời khỏi bờ biển của họ, không cần ra biển khơi biển cả” (Rhodes 1994: 36). Sự hiện diện của các thương nhân này không thường xuyên nhưng cũng góp phần vào quá trình giao thương giữa Đàng Ngoài với các quốc gia trong khu vực và làm đa dạng đội ngũ thương nhân hoạt động ở Đàng Ngoài trong các thế kỷ XVII-XVIII. Tuy nhiên, từ khoảng cuối thế kỷ XVII, nhà nước bắt đầu thi hành chính sách thắt chặt với ngoại kiều. Năm Quý Mão (1663), nhà nước yêu cầu nhân dân kê khai phân loại người ngoại quốc đang ngụ cư trên lãnh thổ. Việc thống kê này được triển khai một cách tỉ mỉ và quy củ tới tất cả các cấp đơn vị hành chính trong nước, liệt kê số lượng người lấy vợ sinh con, tình nguyện nhập tịch, người tinh xảo nghề dệt, người có kỹ năng chế tác đồ ngự dụng, số lượng người nước Hoa Lang⁵. Về sự kiện này, *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* chép thêm: Nhà nước ban lệnh cấm người theo đạo Gia tô. Theo đó mà những người truyền đạo từ phương Tây đến bị cấm

truyền đạo và bị trục xuất khỏi lãnh thổ (Quốc sử quán triều Nguyễn 1998: 300).

Năm Đinh Mão (1687), lệnh cấm người ngoại quốc không được ở lẫn với dân gian được ban hành với những quy định chi tiết, nghiêm ngặt hơn. Người ngoại quốc không được phép “tụ cư” cũng như “không được vắng lai” đến kinh thành, chỉ ở dinh Cao Dao (đối với người ngoại quốc có quan hệ với vua chúa) hoặc trở về Vạn Lai Triều hay Hải Dương. Thương nhân đến gặp vua chúa, quan lại đều bị các quan Cai điều, Trấn thủ giám sát chặt chẽ (Nguyễn Ngọc Nhuận 2011, *Quốc triều chiếu lệnh thiện chính*: 645). Sắc lệnh di dời người ngoại quốc ra khỏi Kẻ Chợ được ban hành. Nhà nước thiết lập khu định cư riêng cho Hoa kiều ở ngoại thành Đông Kinh (Thăng Long). Do đó, Hoa thương đã chọn Phố Hiến làm nơi trú ngụ. Lệnh nhà nước ban ra có hiệu lực với những người phương Tây khác, ngoại trừ người Hà Lan dù nhiều lần họ cũng bị yêu cầu dời đi nhưng bằng cách này, cách khác, người Hà Lan vẫn lưu trú tại Kẻ Chợ cho đến năm 1700 khi Công ty Đông Ấn Hà Lan quyết định đóng cửa thương điểm ở đây. Không chỉ định chế độ khu xử với khách buôn nước ngoài, năm Đinh Dậu (1717), nhà nước quy định “cho phép ở đâu được nhập tịch và chịu tạp dịch ở đó. Từ tiếng nói, ăn mặc đến đầu tóc đều phải nhất nhất tuân theo phong tục nước ta. Ai làm trái bị trục xuất về nước” (*Đại Việt sử ký tục biên (1676-1789)* 1991: 72).

Về phương thức giao thương, tuy không đặt thành quy định hay chính sách nhưng ở Đàng Ngoài, các thương nhân nước ngoài thường phải tuân thủ theo trình tự như sau:

Khi tàu thuyền nước ngoài cập bến, thương nhân ngoại quốc phải làm thủ tục khai báo với quan lại địa phương. Triều đình sẽ cử người đến giám sát tàu và các thương nhân, để kiểm tra hàng hóa trên tàu (Nguyễn Thừa Hỷ 2010, *Bản ghi nhớ do ngài Saint-Phalle trình bày lên quan Chương ấn Silhouette về công việc buôn bán mà công ty có thể thực hiện được ở xứ Đàng Ngoài năm*

¹ Réaux: Đơn vị tiền tệ của Brazil.

² Écu: đơn vị tiền tệ của Pháp.

³ Thế kỷ XVII-XVIII, người Việt không gọi là Indonesia, theo cách gọi cũ của người Việt là “Nam Dương”.

⁴ Thái Lan: Ở thế kỷ XVII - XVIII, người Việt gọi là “Xiêm”.

⁵ Nước Hoa Lang: Nước Hà Lan. “Quốc triều chiếu lệnh thiện chính” (Nguyễn Ngọc Nhuận 2011: 653).

1753: 454). Thủ tục này đặc biệt phiền phức và gây tổn hại cho thương nhân nước ngoài bởi đi kèm với đó là những món quà biếu cho cả một đội ngũ quan lại để tránh sự những nhiễu, hạch sách.

Chúa Trịnh nắm quyền hành đặc biệt lớn về ngoại thương. Chúa là người đầu tiên chọn mua những món hàng mình thích rồi mới đến lượt các quan lại mua hàng. Sau đó, thương nhân mới được bán hàng hóa của mình ra thị trường. Các thương nhân không ít lần than phiền về việc hàng hóa của họ bị vua chúa, quan lại mua với giá rẻ mạt, thậm chí còn bị quan lại lấy đi mà không trả tiền. Maybon (2006: 34) tác giả cuốn sách *Những người châu Âu ở nước An Nam* phản ánh: “Các vua chúa kiếm được lời rất lớn trong các cuộc trao đổi này, không những chỉ vì các vị đó nhận được các tặng phẩm thật đẹp và lấy cho mình phần quý báu nhất trong số hàng hóa được các tàu chở đến, mà còn vì các tàu vào ra cảng đã bị đánh thuế khá nặng”. Nhà du hành người Anh Dampier (2007: 86) cũng khẳng định một thực tế là nhà Chúa trả giá cho hàng hóa thấp đến nỗi các nhà buôn ngoại quốc không muốn giao dịch với Ngài nếu họ có thể lẩn tránh được. Ngược lại, khi thương nhân ngoại quốc muốn mua hàng hóa, họ cũng gặp phải vô vàn trở ngại từ phủ Chúa và đội ngũ quan lại. Đơn cử như mặt hàng tơ lụa - mặt hàng được người phương Tây ưa chuộng và có lưu lượng giao dịch lớn nhất - thì nhà Chúa cũng dần tiến tới thực hiện độc quyền xuất khẩu, nâng mức giá, ép thương nhân phải lấy cả những sản phẩm có chất lượng thấp, v.v. khiến cho việc kinh doanh của thương nhân ngoại quốc gặp nhiều khó khăn.

Nhìn chung, phương thức trao đổi giao thương ở Đàng Ngoài trong các thế kỷ này khá phức tạp, bị quyền lực chi phối nên không tuân theo quy luật kinh tế và bản chất

của quá trình trao đổi hàng hóa⁶. Thương nhân Samuel Baron từng phản ánh thực tế không có bất kỳ quy chế nào cho hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa nên thương nhân ngoại quốc, đặc biệt là những người mới đến phải chịu đựng mọi thiệt thòi trong mua bán và khổ sở vì trăm nghìn điều bất tiện khác mà họ chỉ có một cách duy nhất là chịu đựng. Quan lại tham lam sẽ xói tung hàng hóa ở trên tàu, dùng danh nghĩa của nhà vua để lấy đi bất kỳ hàng hóa nào, đem bán ra thị trường để kiếm lợi (Nguyễn Thừa Hỷ 2010, *Mô tả vương quốc Đàng Ngoài*: 149). Nhận xét về tình hình ngoại thương Đại Việt, G.Tabulê đánh giá: “Công việc buôn bán trên đất Việt Nam có tính chất không tự nhiên và cứng nhắc. Công việc này hoàn toàn mang tính chất nhà nước, không có một chút tự do” (G.Tabulê: Tư liệu dịch của Khoa Sử, Đại học Tổng hợp). Thương nhân Giffo khẳng định: “Không có lệ luật viết thành văn ở Đàng Ngoài, làm khó khăn rất nhiều cho những người nước ngoài” (Thành Thế Vỹ 1961: 126). Thương nhân Samuel Baron thẳng thắn chỉ rõ một thực tế: “Ở thời điểm hiện tại họ còn giữ khoảng cách với người nước ngoài hơn trước, thậm chí chẳng thèm đếm xỉa đến họ... Trước đây, bọn người tầng lớp trên ở Đàng Ngoài rất chuộng hàng hóa nước ngoài còn bây giờ họ dừng dừng với tất cả, ngoại trừ những nén vàng, nén bạc Nhật Bản và những súc vải khổ rộng của châu Âu là còn hấp dẫn họ ít nhiều. Họ chẳng thèm đoái hoài đến việc

⁶ Tham khảo nội dung bức thư của một viên quan gửi tới cho tàu Grol của Hà Lan khi lần đầu tiên tàu đến Đàng Ngoài năm 1637 để hiểu rõ hơn về các thủ tục khi tàu nước ngoài cập bến, vào buôn bán ở Đàng Ngoài: “Ông rất hài lòng với việc người Hà Lan tới đây và đức vua có lẽ cũng hài lòng như vậy. Rằng người Hà Lan sẽ phải trả thuế nhập cảng đánh vào hàng hóa, thuế neo đậu tàu, rằng hàng hóa sẽ không bắt đầu được dỡ khỏi tàu trước khi lệnh cho phép được gửi tới, rằng tất cả sẽ bị tịch thu nếu vi phạm những quy tắc đó” [Chuyến du hành của thuyền tàu Hà Lan Grol từ Nhật Bản tới Đàng Ngoài (31-1-1637-8-8-1637)], bản dịch, in trong Nguyễn Thừa Hỷ (2010: 99).

thăm thú các nước khác, cho rằng chẳng có nơi đâu bằng vương quốc của họ và cũng chẳng tỏ ra kính trọng những người đã đi ra nước ngoài” (Nguyễn Thừa Hỷ 2010, *Mô tả vương quốc Đàng Ngoài*: 135, 154).

Người Anh đến Đàng Ngoài năm 1672 với những khởi đầu không thuận lợi. Họ gặp phải vô vàn khó khăn từ phía phủ Chúa và sự cạnh tranh khốc liệt của người Hà Lan. Người Anh từng than phiền về việc mua bán chẳng theo một luật lệ nào mà phụ thuộc vào tâm trạng của Chúa: “Nếu Chúa đang vui thì mọi kiến nghị của chúng tôi đều được giải quyết một cách bất ngờ mà không dựa trên một điều khoản nào và cũng không có tuyên bố hay hứa hẹn trước nào” (Thương điểm Đàng Ngoài gửi thư về Bantam qua tàu của người Bồ Đào Nha ngày 10/8/1673 - G/12/17-2, *W. Gyfford's Journall at Tonqueen*, 13/12/1672 - 28/6/1676, fos. 59-149).

Về cơ bản, trong thế kỷ XVII-XVIII, chính sách của nhà nước bao hàm cả ý nghĩa tiêu cực và tích cực đối với kinh tế thương nghiệp (Trương Thị Yên 1979: 65-76). Thế kỷ XVII, vua chúa, quan lại và dân chúng có thái độ cởi mở đối với người phương Tây, nhà nước tăng cường mở rộng quan hệ kinh tế và bang giao với các quốc gia trong châu lục và trên thế giới. Cuối thế kỷ XVII-XVIII, chính sách và ứng đối của nhà nước có sự biến chuyển phần nhiều liên quan đến vấn đề tôn giáo, an ninh quốc phòng và một lý do khác là khi chiến tranh Trịnh - Nguyễn kết thúc, nhu cầu về khí tài chiến tranh không còn là nhu cầu bức thiết thúc đẩy nhà Lê - Trịnh tìm kiếm sự hợp tác với các thế lực phương Tây.

3. Xuất khẩu hàng hóa

Hoạt động xuất khẩu hàng hóa ở Đàng Ngoài thế kỷ XVII-XVIII do nhà nước và các thương nhân thực hiện. Đại diện cho nhà nước là vua chúa, quan lại. Thương nhân tự do bao gồm quan lại (đặc biệt là những

người vợ của các quan lớn, họ đóng vai trò quan trọng trong việc mua bán hàng hóa với người nước ngoài), đội ngũ thương nhân người Việt và lực lượng thương nhân ngoại quốc hiện diện ở Đàng Ngoài. Đó là những thương nhân đến từ các quốc gia trong khu vực như Trung Quốc, Nhật Bản, Xiêm, v.v.; các thương nhân phương Tây tiêu biểu là Bồ Đào Nha, Hà Lan, Anh, Pháp. Trong lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam, chưa có thời điểm nào lại có sự hiện diện của đông đảo lực lượng thương nhân ngoại quốc như ở thế kỷ XVII. Thương nhân ngoại quốc hoạt động năng động, đóng vai trò quan trọng trong sự vận hành và phát triển của nền mậu dịch Đàng Ngoài. Về cơ bản, họ là người chủ động trong việc tiến hành giao dịch, buôn bán. Lực lượng này đã góp phần quan trọng, cùng các Việt thương xuất khẩu hàng hóa tới các thị trường trong khu vực và trên thế giới, thúc đẩy ngoại thương Đàng Ngoài nói riêng và thương nghiệp Đàng Ngoài nói chung phát triển trong thế kỷ này.

Cơ cấu hàng hóa xuất khẩu tương đối đa dạng, chủ yếu là mặt hàng thủ công nghiệp và những sản phẩm dựa trên thế mạnh của các địa phương, một phần là sản phẩm từ các quan xưởng của nhà nước. Tựu trung lại, có thể kể đến một số loại hàng hóa xuất khẩu tiêu biểu sau:

3.1. Tơ lụa

Tơ lụa được coi là linh hồn của thị trường ngoại thương Đại Việt bởi đây là mặt hàng xuất khẩu chính đem lại nguồn lợi lớn nhất, thu hút đông đảo lực lượng thương nhân các nước tham gia giao dịch. Cung vua, phủ Chúa và một bộ phận quan lại là lực lượng cung cấp hàng tơ lụa chủ yếu cho thương nhân nước ngoài. Phương thức giao dịch tơ lụa do vua chúa và quan lại quyết định, thương nhân ngoại quốc phải tuân theo nếu không muốn gặp phải sự nhũn nhủn, phiền toái. Thương nhân ngoại quốc phải nộp bạc vào phủ Chúa để được cung cấp tơ

lựa vào thời điểm nhất định do Chúa định đoạt. Năm 1674, người Anh tổng kết: “Phong tục ở đây là chúa lấy bạc của thương nhân, sau đó thanh toán bằng tơ nhưng với giá đắt” (Hoàng Anh Tuấn 2010c: 300-301). Một hình thức khác cũng rất phổ biến là ngay khi thương thuyền của ngoại quốc đến, vua chúa sai quan lại đến kiểm tra tàu, đồng thời lấy đi những hàng hóa có giá trị nhất. Giá trị của những số hàng này sẽ được nhà Chúa trả bằng tơ lụa. Phương thức giao dịch tơ lụa này khiến thương nhân phương Tây phải chịu thiệt đơn thiệt kép: giá cao, chất lượng tơ lụa thấp (Công ty báo cáo tổng hợp tình hình, triển vọng và một số đề xuất nếu buôn bán với Đàng Ngoài, đề ngày 7/12/1672 - G/12/17-1, *Tonqueen Journall Register*, 25/12/1672 - 7/12/1672, fos. 1-58). Nhân viên thương điểm Hà Lan ở Kẻ Chợ từng ao ước: “Giá như tơ lụa Chúa giao có chất lượng hơn và rẻ như giá thị trường thì có lẽ hàng hóa Đàng Ngoài [bán ở Nhật Bản] còn được giá hơn nữa” (Hoàng Anh Tuấn 2010c:181).

Thương nhân ngoại quốc có thể trực tiếp mua tơ lụa từ tơ thương và người sản xuất ở Đàng Ngoài. Thương nhân Việt tỏ ra khá năng động trong việc tiếp cận với khách hàng, chủ động thu mua sản phẩm từ các làng dệt và mang đến tận thương điểm của người phương Tây để tiếp thị dù nhà nước không cho phép (Hoàng Anh Tuấn 2010c: 120, 275). Lực lượng thương nhân này tập trung chủ yếu ở các thành phố trung tâm, điển hình là Kẻ Chợ. Bên cạnh đó, thương nhân nước ngoài trực tiếp đặt mẫu hàng và tiền cho những người sản xuất. Với cách làm này, họ kiểm soát được chất lượng tơ lụa, đặt được theo mẫu, giảm được giá thành, v.v.. Tuy nhiên, không phải khi nào phương thức giao dịch này cũng an toàn. Năm 1682, người Anh đã bị mất trắng 4.000 lạng bạc khi đặt mua lĩnh, người Hà Lan mất 5.000 lạng do người môi giới phá sản nên trốn nợ (G/12/17-8, *Tonkin General to*

Bantam and London 8 December 1682, fol. 304r-308v).

Thương nhân Trung Quốc, Nhật Bản, Hà Lan, Anh là những khách hàng lớn và thường xuyên của Đàng Ngoài, lợi ích của họ gắn bó chặt chẽ với việc mang tơ lụa Đàng Ngoài đến các thị trường thế giới và khu vực. Trong đó, Hoa thương là khách hàng lâu đời nhất và tiêu thụ lượng lớn tơ lụa Đàng Ngoài. Đồng thời, họ là đối thủ cạnh tranh lớn của các thương nhân phương Tây, đặc biệt là người Hà Lan, điều này được phản ánh trong các tài liệu ghi chép nhân viên thương điểm Hà Lan tại Đàng Ngoài thế kỷ XVII (Hoàng Anh Tuấn 2010c: 123-134). Thương nhân Hà Lan tiêu thụ lượng tơ lụa lớn và có những thời điểm trở thành đối thủ cạnh tranh của Hoa thương. Tơ lụa trở thành mặt hàng chính yếu đảm bảo cho nền mậu dịch của Công ty Đông Ấn Hà Lan ở Đàng Ngoài. Ngay trong chuyến đi đầu tiên đến Đàng Ngoài của tàu Grol năm 1637, thương nhân Hà Lan giao dịch thành công trở về với tổng giá trị hàng hóa lên đến khoảng 190.000 florin⁷, gồm có 53.695 catty⁸ tơ sống (trị giá 168.378 florin) và 9.665 tấm lụa (trị giá 11.268 florin) (Hoàng Anh Tuấn 2006: 12). Sau giai đoạn thử nghiệm (1637-1640) mang tính thăm dò thị trường, người Hà Lan chính thức mở ra thời kỳ phát triển thịnh đạt của nền mậu dịch tơ lụa (1641-1654). Nhờ mối quan hệ mật thiết với triều đình Đàng Ngoài, Công ty thuận lợi trong việc thu mua hàng hóa. Do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan, nền mậu dịch tơ lụa của Công ty Đông Ấn Hà Lan (VOC) với Đàng Ngoài suy thoái dần và kết thúc vào năm 1670.

3.2. Gốm sứ

Từ thập niên 60 của thế kỷ XVII, mậu dịch tơ lụa Đàng Ngoài bước vào giai đoạn

⁷ Đơn vị tiền tệ của Hà Lan.

⁸ 1 catty = 16 taels = 600 gr.

thoái trào thì gốm sứ Đàng Ngoài trở thành thương phẩm hấp dẫn có giá trị xuất khẩu ra thị trường Đông Nam Á hải đảo. Nguyên nhân chính là do triều đình Mãn Thanh ban bố lệnh “Hải cấm”, gồm thô Đàng Ngoài được lựa chọn thay thế cho gốm thô Nam Trung Hoa (các lò ở Phúc Kiến, Quảng Đông) (Hoàng Anh Tuấn 2007a: 31, 2007b: 28). Chính sự khan hiếm của gốm thô Trung Quốc đã tạo cho gốm Đàng Ngoài có điều kiện trỗi dậy và chiếm được cảm tình của người tiêu dùng trong khu vực.

Thế kỷ XVII - XVIII, các làng gốm là nơi cung cấp chính các mặt hàng gốm cho thị trường trong và ngoài nước. Điển hình là vùng Kinh Bắc - nơi tập trung những làng chuyên sản xuất gốm lớn là Bát Tràng, Kim Lan, Phù Lãng, Thổ Hà với phong cách gốm đa dạng và mang dấu ấn riêng rất đậm nét (Lê Thùy Linh 2023a, 2023b). Chính những làng nghề này là nơi cung cấp thương phẩm gốm cho hoạt động xuất khẩu. Gốm Bát Tràng trở thành một trong những mặt hàng xuất khẩu chủ đạo trong thời gian này (Hoàng Anh Tuấn 2007b: 32-33). Buch (1936-1937) khẳng định: năm 1661 thương nhân Hà Lan mua rất nhiều đồ gốm Bát Tràng, trong đó có cả những viên gạch nổi tiếng. Năm 1670, tàu Hà Lan đã chở đi 214.160 sản phẩm đồ gốm.

Gốm Chu Đậu được buôn bán rộng rãi ở Đàng Ngoài và xuất khẩu đi nhiều nước Đông Nam Á và thế giới. Theo nghiên cứu của Tăng Bá Hoành (1993, 2007), con đường đi của gốm Chu Đậu là từ nơi sản xuất, ngược sông Thái Bình đến Nâu Khê, xuôi theo sông Kinh Thầy ra cảng Vân Đồn, hoặc theo sông Thái Bình sang sông Luộc đến Phố Hiến. Từ Vân Đồn, Phố Hiến, gốm Chu Đậu theo thuyền buôn đến Trung Quốc, Nhật Bản và các nước phương Tây. Đến nay có 30 địa điểm ở Đông Nam Á có gốm Chu Đậu (Aoyagi 1991: 78-82; Hà Văn Cẩn 2000), ngoài ra, loại gốm này còn được tìm thấy trên các con tàu đắm ở ven biển Việt

Nam và Đông Nam Á (Hà Văn Cẩn 1999: 72-90, 2000: 143). Kết quả các cuộc khai quật đã chứng minh nhiều loại sản phẩm gốm sứ của các trung tâm đã có mặt ở các bến bãi thuộc thương cảng Vân Đồn và các nhà nghiên cứu đều thống nhất ý kiến cho rằng Vân Đồn là thương cảng xuất khẩu nhiều gốm sứ nhất và có vị thế quan trọng trên con đường giao thương gốm sứ Đông - Tây trong nhiều thế kỷ (Hán Văn Khản 2004: 48).

Theo kết quả khai quật của các nhà khảo cổ học Nhật Bản, di vật gốm hoa lam được tìm thấy ở nhiều di tích có niên đại nửa sau thế kỷ XVI và nửa đầu thế kỷ XVII ở các vùng Kyushu, Hokuriku, Kanto (Kikuchi và Yoshida 2007: 681-684) minh chứng cho mối quan hệ giao thương gốm sứ giữa Đại Việt và Nhật Bản trong các thế kỷ này.

Việc xuất khẩu gốm sứ Đàng Ngoài ra các nước trên thế giới và trong khu vực có vai trò quan trọng của những thương nhân ngoại quốc xuất hiện ở Đàng Ngoài thời gian này như thương nhân Trung Quốc, Nhật Bản, Hà Lan, Anh,... Trong đó, vai trò nổi trội thuộc về các thương nhân Trung Quốc và Hà Lan. Năm 1663, thuyền Trung Quốc đưa đến Batavia 10.000 chén gốm thô Đàng Ngoài (Hoàng Anh Tuấn 2007b: 28-39). Trong 5 năm tiếp theo, khoảng 250.000 tiêu bản gốm sứ Đàng Ngoài được Hoa thương chuyển đến Batavia. Năm 1669, thương điếm Hà Lan tại Kẻ Chợ thu mua và gửi về Batavia 381.200 chén gốm thô Đàng Ngoài. Từ năm này đến đầu thập niên 80 của thế kỷ XVII, người Hà Lan trở thành một trong số các nhà xuất khẩu gốm sứ Đàng Ngoài ra thị trường khu vực. Theo tư liệu của Công ty Đông Ấn Hà Lan, ước tính có khoảng 1,5 triệu tiêu bản gốm sứ Đàng Ngoài đã được xuất khẩu ra thị trường Đông Nam Á trong các thập niên 60, 70 và 80 của thế kỷ XVII (Hoàng Anh Tuấn 2007b: 31).

3.3. Vàng

Thế kỷ XVII, sản lượng vàng khai thác được tương đối nhỏ, chưa đạt được ở mức trở thành thương phẩm, đáp ứng nhu cầu giao dịch của người phương Tây cho thị trường Ấn Độ thời điểm bấy giờ. Phần lớn số vàng thương điểm Kẻ Chợ thu mua có nguồn gốc từ Trung Quốc, được chuyển từ Vân Nam và Quý Châu sang (Hoàng Anh Tuấn 2010b: 19-24). Giá vàng bán ở Đàng Ngoài cũng được đánh giá là tương đối thấp. Năm 1661, theo thông báo của một số thương nhân Việt chuyên nhập khẩu vàng từ Nam Kinh (Trung Quốc) về Đàng Ngoài, giá vàng Trung Quốc bán tại Đàng Ngoài còn thấp hơn giá bán tại Quảng Châu. Tuy nhiên, nguồn vàng không ổn định vì không phải khi nào Đàng Ngoài cũng có lượng vàng dồi dào chuyên từ Trung Quốc sang. Điều đó là trở lực chính cho quá trình giao dịch giữa Đàng Ngoài với các thương nhân ngoại quốc.

Khách hàng giao dịch vàng lớn ở Đàng Ngoài là những thương nhân Hà Lan. Vàng nằm trong chiến lược kinh doanh của Công ty Đông Ấn Hà Lan với thị trường Ấn Độ nên nhân viên thương điểm Đàng Ngoài ra sức thu gom mặt hàng này nhưng do hạn chế của nguồn cung nên số lượng không được nhiều như họ kỳ vọng. Năm 1663, người Hà Lan mua được tại Đàng Ngoài số hàng trị giá 148.295 guilders⁹, trong đó chỉ có 1.900 tael¹⁰ vàng. Mùa xuân năm 1664, trong tổng số hàng hóa trị giá 31.211 guilders mà tàu Bunschoten chuyên chở về Batavia, thương điểm Kẻ Chợ chỉ thu mua được vón vện 674 tael vàng để Batavia chuyển sang cho các thương điểm vùng Coromandel. Do đó, nhằm đảm bảo cung ứng đủ số vàng Batavia

yêu cầu, nhân viên thương điểm Kẻ Chợ đành phải ký một bản thỏa thuận với Resimon nhằm thu mua lại toàn bộ số vàng từ viên thương nhân tự do người Nhật vào cuối mùa mậu dịch, giá thỏa thuận là 12,5 tael bạc cho mỗi tael vàng 24 carat (Hoàng Anh Tuấn 2010b: 23). Tuy vậy, bản giao kèo này cũng không giúp được gì cho nhân viên thương điểm Kẻ Chợ, bởi vàng đã trở nên quá khan hiếm trên thị trường Đàng Ngoài. Nguyên nhân là do sự ngưng trệ hoàn toàn của nguồn vàng từ Trung Quốc. Từ giữa thập niên 60 của thế kỷ XVII trở đi, Đàng Ngoài không còn là đầu mối cung cấp vàng nữa. Do đó, quá trình giao dịch mặt hàng này với thương nhân ngoại quốc sa sút dần và lụi tàn.

3.4. Xạ hương và quế

Xạ hương và quế là những hương liệu được đặc biệt ưa chuộng ở thị trường Tây Âu thế kỷ XVII-XVIII. Ở Đàng Ngoài, hai mặt hàng này được coi là hàng quý, hiếm và do nhà nước độc quyền thu mua, giao dịch.

Quế là mặt hàng có thể khai thác ở trong nước, tập trung ở vùng núi Đàng Ngoài và vùng Thanh Nghệ: “Sản vật quế của Đại Việt [ở vùng núi cao giáp ranh Đàng Ngoài và Đàng Trong] có tiếng là chất lượng tốt nhất (Dixon 1883: 185-186). Trong *Lịch sử tự nhiên, dân sự và chính trị xứ Đàng Ngoài*, Richard khẳng định: “Quế của xứ Đàng Ngoài hẳn sẽ là một loại hàng buôn bán rất có lợi cho một quốc gia thông thái hơn: rừng ở đây đầy quế, người ta chỉ trồng chúng trong vườn của nhà vua hay các điện đài mà thôi” (Nguyễn Thừa Hỷ 2010: 394). Trong nhận định trên của Richard có điểm không chính xác là việc quế chỉ được trồng trong những khuôn viên thuộc sở hữu của hoàng tộc. Thực tế, cây quế sinh trưởng chủ yếu trong rừng. Chính Richard cũng dẫn chứng câu chuyện một người dân mang về nhà bó quế lớn để dùng nhưng vì cần tiền mà đã bán bó quế được với số tiền là 60

⁹ Guilders: đơn vị tiền tệ của người Hà Lan.

¹⁰ Tael không chỉ là đơn vị đo khối lượng (ở chú thích số 8) mà còn là đơn vị tiền tệ của người Hà Lan. 1 tael = 10 mass = 100 conderin = 3 guilders (trước năm 1630) và tương ứng với 2-3 guilders, thay đổi theo các thời kỳ trong thế kỷ XVII -XVIII.

livro - một khoản tiền được xem là rất lớn ở xứ Đàng Ngoài lúc bấy giờ (Nguyễn Thừa Hỷ 2010: 394). Xạ hương có nguồn gốc từ bên ngoài, chủ yếu là từ Vân Nam, Tứ Xuyên (Trung Quốc) và một phần từ Lào. Do nguồn hàng khan hiếm, thiếu ổn định mà giao dịch xạ hương và quế diễn ra ở Đàng Ngoài khá cầm chừng. Hoạt động xuất khẩu xạ hương Đàng Ngoài cho thương nhân Hà Lan chỉ thực sự bắt đầu từ năm 1652 nhưng do nguồn lợi nhuận cao đã khích lệ người Hà Lan tiếp tục thu mua mặt hàng này trong những năm tiếp theo. Người Hà Lan tìm mọi cách để thu mua xạ hương ở Đàng Ngoài nhưng thực tế, số lượng giao dịch rất ít ỏi, không thể đáp ứng kỳ vọng của Công ty. Năm 1653 chỉ có một khối lượng nhỏ xạ hương được xuất khẩu từ thị trường Đàng Ngoài. Hiện tượng khan hiếm xạ hương trên thị trường chỉ được cải thiện khi nền mậu dịch qua biên giới Việt - Trung phục hồi. Năm 1665, thương điểm Kê Chợ đã gửi được 111 catty 15 tael 1 maas xạ hương về Batavia (Hoàng Anh Tuấn 2009a: 33-35). Tới năm 1673, sản lượng xạ hương xuất khẩu đạt 192 catty.

Xạ hương và quế không phải là thương phẩm chủ đạo trong cơ cấu hàng xuất khẩu của Đàng Ngoài. Tuy nhiên, về phương diện kinh tế và duy trì mối quan hệ giao thương với các thương nhân phương Tây, chúng vẫn đóng một vai trò nhất định, đặc biệt ở giai đoạn cuối thế kỷ XVII.

3.5. Đồ mỹ nghệ và một số mặt hàng khác

Đồ sơn Đàng Ngoài được Dampier (2007 : 82) hết lời ngợi ca là không thua bất kỳ một loại sơn mài nào khác, chỉ sau hàng của Nhật Bản vốn vẫn được coi như là tốt nhất thế giới. Sản phẩm của nghề mộc được xuất khẩu dù số lượng không nhiều do người châu Âu không ưng về mẫu mã những đồ được đóng ở đây. Qua ghi chép của Dampier (2007: 83), các loại tủ con và nhiều thứ đồ đẹp mắt khác ở Đàng Ngoài được làm từ

một thứ cây mà cư dân gọi là *pone*, gỗ mềm, kiểu dáng đồ gỗ không hợp với gu thẩm mỹ của người châu Âu và sự thiếu cẩn thận của người thợ làm giảm giá trị của đồ gỗ.

Sản phẩm của nghề đúc tham gia vào giao dịch quốc tế. William Dampier từng được biết việc 2 quả chuông do vua Xiêm đặt hàng được chuyên chở trên tàu của Anh đã bị nha môn của quan Trấn thủ Phó Hiến tịch thu (Dampier 2007: 122). Ngoài ra, Đàng Ngoài còn xuất khẩu một số mặt hàng như nhựa thông, diêm tiêu, một số sản vật địa phương.

4. Tác động của hoạt động xuất khẩu hàng hóa đối với nền kinh tế Đàng Ngoài

4.1. Tác động tới sản xuất và chuyển đổi cơ cấu kinh tế

Kinh tế thủ công nghiệp, nông nghiệp và thương nghiệp có mối tác động lẫn nhau rất chặt chẽ khi sản phẩm của thủ công nghiệp, nông nghiệp chính là nguồn thương phẩm, cung cấp hàng hóa cho hoạt động xuất khẩu. Do đó, thực tế sự tác động là qua lại hai chiều. Tuy nhiên, trong phạm vi nghiên cứu này, chúng tôi chỉ đề cập đến tác động của hoạt động xuất khẩu hàng hóa đối với kinh tế thủ công nghiệp và nông nghiệp.

Hoạt động xuất khẩu hàng hóa là nguyên nhân, đồng thời là động lực cho các nghề thủ công nghiệp phát triển mạnh mẽ. Thế kỷ XVII-XVIII, chiến tranh diễn ra liên miên, thuế khóa phu dịch nặng nề, khởi nghĩa nông dân bùng nổ nên cũng có quan điểm cho rằng “các nghề thủ công bị đình đốn... nghề thủ công không thể nào phát triển được” (Phan Gia Bền 1957: 32-33). Tuy nhiên, do nhu cầu trao đổi, đặc biệt là với các lực lượng thương nhân nước ngoài, tận dụng thời gian hưu chiến đan xen, các nghề thủ công nghiệp vẫn phát triển vượt trội. Thế kỷ XVII chứng kiến sự tăng nhanh về số

lượng của các ngành nghề thủ công và xuất hiện thêm nhiều ngành nghề mới, kéo theo đó là số lượng người hoạt động trong lĩnh vực nghề thủ công tăng lên (Nguyễn Hồng Phong 1960: 13-21). Các nghề như nghề gốm sứ, nghề dệt, nghề nhuộm, nghề thêu, nghề dệt thêu, nghề xây dựng, nghề mộc, nghề khai mỏ, nghề luyện kim, nghề kim hoàn, nghề khảm trai, nghề thếp vàng bạc, nghề ngọc, nghề sơn, nghề làm giấy, nghề in cổ truyền, nghề đóng thuyền, nghề đan lát, nghề làm lọng, nghề đóng giày dép da, các nghề chế biến thực phẩm, v.v. cho thấy nghề thủ công truyền thống tương đối đa dạng về loại hình và số lượng. Một số nghề mới xuất hiện ở Đàng Ngoài chủ yếu có nguồn gốc từ Trung Quốc hoặc những kỹ thuật được cải tiến nhờ học hỏi từ Trung Quốc như nghề khai mỏ, luyện kim, nghề làm lọng, nghề đóng giày dép v.v, riêng kỹ thuật đúc súng được truyền bá từ phương Tây. Một số nghề thủ công đã đạt tới trình độ chuyên môn hóa cao, tiêu biểu là nghề sản xuất gốm sứ và nghề dệt tơ lụa. Sự hiện diện của những làng chuyên nghề gốm như Bát Tràng, Hương Canh, Thổ Hà, Phù Lãng, Chu Đậu, v.v. những làng chuyên nghề dệt như: Trích Sài, Bái Ân, Võng Thị, Nghi Tàm, Yên Thái, Nghĩa Đô, La Cả, La Khê, La Phù, v.v. là minh chứng rõ nét cho sự biến đổi về trình độ sản xuất ở Đàng Ngoài thế kỷ XVII-XVIII. “Thủ công nghiệp chuyên nghiệp là thước đo trình độ phát triển của kinh tế hàng hóa trong khu vực” (Nguyễn Quang Ngọc 2009: 114) - nhận xét của tác giả là hoàn toàn xác đáng, đồng thời khẳng định vai trò của nền thủ công nghiệp đối với nền kinh tế hàng hóa.

Tuy nhiên, khi xuất khẩu hàng hóa bị suy giảm cũng tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất thủ công nghiệp. Thủ công nghiệp bị đình đốn, kể từ cuối thế kỷ XVII, trong bối cảnh suy thoái chung của toàn bộ nền kinh tế Đàng Ngoài. Nhà nước lại thực thi chính sách thuế khóa nặng nề, khiến cho

người thợ thủ công thoái chí, các hoạt động sản xuất thủ công nghiệp càng trở nên đình trệ: “Vì thuế sơn mà có người dẫn cây sơn đi, vì thuế vải lụa mà có người phá khung cửi, vì thuế gỗ mà bỏ cả búa rìu, vì thuế tôm cá mà xé cả lưới chài, vì thuế mật đò mà không trồng mía nữa, vì thuế bông, thuế chè mà vườn tược bỏ hoang. Làng mạc tiêu điều, thuế hàng năm bỏ thiếu chồng chất, chi dùng của nhà nước vì thế mà thiếu thốn” (Phan Huy Chú 2007: 145; *Đại Việt sử ký tục biên (1676-1789)* 1993: 134; Quốc sử quán triều Nguyễn 1998: 483-484). Theo mô tả của sử gia Phan Huy Chú (2007) trong *Lịch triều hiến chương loại chí*, bức tranh kinh tế thủ công nghiệp Đàng Ngoài bao phủ một màu ảm đạm.

Trong nông nghiệp, kinh tế hàng hóa nói chung và hoạt động xuất khẩu hàng hóa nói riêng đã tác động mạnh mẽ lên chế độ tư hữu ruộng đất. Hiện tượng mua bán ruộng đất trở nên phổ biến khiến ruộng đất tư tăng lên. Theo thống kê của tác giả Nguyễn Đức Nhuận (2000: 57-64), qua 54 bia hậu chùa có niên đại thế kỷ XVII, đối tượng mua bán ruộng đất khá đa dạng, từ quan lại, cung tần đến tầng lớp nhân dân lao động với diện tích ruộng từ vài sào đến gần trăm mẫu. Những ghi chép của sử gia Phan Huy Chú (2007: 127) cho biết chỉ có đất công ở các xã thôn xứ Sơn Nam còn tương đối nhiều, còn các nơi khác chỉ đủ để cung cấp lương lính và ngụ lộc. Đặc biệt, khi nhà nước khuyến khích khẩn hoang và công nhận chế độ tư hữu, kinh tế nông nghiệp phát triển mạnh mẽ, đặc biệt ở thế kỷ XVII. Học giả Lê Quý Đôn (1973: 223-249, 267-278) phản ánh: “Phía Nam có các phủ Tiên Hưng, Khoái Châu, Lý Nhân, Thiên Trường (sau này là Xuân Trường) Kiến Xương, Thái Bình, Nghĩa Hưng, cây lúa chiêm, đất ruộng màu mỡ nghìn dặm, đồng bằng muôn khoảnh, một năm cấy được hai mùa, mỗi mẫu sản xuất trị giá hơn 200 quan”. Người nước ngoài đến Đàng Ngoài thế kỷ XVII chứng

kiến sự trù phú của mùa màng, sự màu mỡ của đất đai: “Đất đai màu mỡ và không lúc nào nghỉ sản xuất. Nhân dân rất hiểu giá trị của ruộng đất nên không bao giờ bỏ hoang và những người nội trợ giỏi, sau khi thu hoạch mùa màng xong, lập tức cày lại ngay và gieo hạt. Và như vậy mỗi năm họ thường thu được 2, 3 vụ. Ở những nơi nào không trồng lúa được thì họ trồng cây ăn quả và thu hoạch rất lớn. Cây cối tươi tốt đến nỗi lúc nào cũng chỉ thấy một màu xanh, lá không thay màu tựa như một khu rừng với một mùa xuân vĩnh viễn” (Trương Hữu Quỳnh 2009: 327). Năm 1688, Dampier (2007: 40-42) nhận thấy: “Ở đây có nhiều thóc gạo, nhất là các vùng đất thấp là chỗ được những con sông tràn ngập làm cho màu mỡ. Hàng năm người ta cày gặt hai mùa, thu hoạch được rất nhiều” và ông mô tả hàng loạt cây ăn quả cùng các loại rau người Đàng Ngoài trồng được. Nguồn của cải tư hữu thu được từ kinh tế nông nghiệp được tăng cường là cơ sở quan trọng cho hoạt động xuất khẩu hàng hóa ở Đàng Ngoài trong các thế kỷ này.

Trái lại, khi tư hữu ruộng đất trở thành nạn kiêm tính đất đai thì lại biến thành trở lực đối với kinh tế nông nghiệp. Ngô Thị Sĩ phản ánh thực tế: “Những dân phiêu lưu ruộng phải bỏ hoang phần nhiều bị bọn thế gia và các làng lân cận chiếm cày, lập văn khế giả để làm bằng cứ. Thậm chí có khi ruộng đã cày cấy hết mà vẫn khai là hoang phế. Dân lưu vong dù muốn trở về cũng không có ruộng cày cấy, mà kiện cáo thì khổ nỗi không đủ sức...” (Phan Huy Lê và cộng sự 1960: 188). Số lượng làng xã ở Đàng Ngoài có dân phiêu tán tăng lên nhanh chóng: năm 1730, có 527 làng xã phiêu tán, đến năm 1741 đã là 3.691 làng. Đến cuối thế kỷ XVIII, ở vùng đồng bằng và Thanh, Nghệ, có 1.488 làng xã/ tổng số 11.767 làng xã bị phiêu tán (Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam 1971: 321). Nền nông nghiệp bị đình đốn còn bởi người nông dân chuyên

sang tham gia sản xuất thủ công nghiệp và hoạt động thương nghiệp, thực tế đó làm suy giảm số lượng nông dân hoạt động trong nông nghiệp. Tuy không có được số liệu thống kê cụ thể nhưng sự chuyển dịch cơ cấu ngành nghề đã dẫn đến sự chuyển dịch của cơ cấu lao động trong từng ngành. Đây là hệ lụy tiêu cực đối với một nền nông nghiệp còn lạc hậu về kỹ thuật, chủ yếu phụ thuộc vào sức lao động của con người.

4.2. Tác động tới mạng lưới chợ và đô thị

Hoạt động xuất khẩu hàng hóa ở Đàng Ngoài thế kỷ XVII-XVIII trực tiếp tác động đến kinh tế nội thương Đàng Ngoài. Theo đó, chợ được mở rộng khắp các địa phương, tạo thành mạng lưới từ nông thôn tới đô thị, thúc đẩy hoạt động trao đổi hàng hóa càng trở nên nhộn nhịp. Ở Kẻ Chợ (Thăng Long), chợ được mở ở các cửa ô, bến sông và đặc biệt là sự hưng thịnh của các phường buôn bán. Tên của hàng hóa đã được lấy làm tên phố như Hàng Đào, Hàng Mã, Hàng Giấy, Hàng Vải, Hàng Đường, v.v. và dần trở thành nét đặc trưng của từng phường buôn, đồng thời cũng là nét đặc sắc của tên các con phố ở Kẻ Chợ xưa còn lưu lại Hà Nội ngày nay. Văn bản pháp luật đương thời cũng ghi nhận: “Kinh kỳ là nơi đô hội văn vật nên người ở các phố phường hoặc người buôn bán có hàng hóa đều dồn đến chợ kinh” (Nguyễn Ngọc Nhuận 2011, *Quốc triều chiếu lệnh thiện chính*: 544). Theo tổng kết của các nhà nghiên cứu sử học, thế kỷ XVII - XVIII, Thăng Long - Kẻ Chợ có tới hơn 30 nghề thủ công cổ truyền và hơn 10 khu chợ lớn, hàng chục bến cảng tập nập cùng các thương điếm của các thương nhân nước ngoài hoạt động. Theo đó, người các miền đổ về sinh sống, làm ăn “nhiều khi nhà nước không kiểm soát nổi (Viện Sử học 1989: 120). Theo quan sát của người phương Tây, “Quy mô Kẻ Chợ sánh ngang nhiều thành thị khác ở châu Á trong khi dân số của Kẻ Chợ lớn hơn nhiều, nhất là vào

phiên chợ ngày 1 và 15 âm lịch hàng tháng khi người dân cùng với hàng hóa từ các làng ven đô đổ về đây nhiều không đếm xuê. Những con phố ngày thường vốn rộng rãi và quang đãng giờ đây trở nên chật chội đến nỗi chỉ nhích được 100 bước trong vòng 30 phút đã là tốt lắm rồi. Các loại hàng hóa khác nhau được quy định bán ở các con phố riêng; mỗi con phố gồm cư dân của một hoặc hai ba làng. Những người dân ở các con phố tổ chức bán hàng theo kiểu phường hội ở các thành thị châu Âu” (Nguyễn Thừa Hỷ 2010, *Mô tả vương quốc Đàng Ngoài: 141*); “thành phố (Kẻ Chợ) rộng lớn và đông dân, có ba đường phố dài 3 dặm và có nhiều chợ đẹp”, có vô vàn dân chúng ở (Nguyễn Thừa Hỷ 2010, *Về Vương quốc Đàng Ngoài và kinh thành Kẻ Chợ (1695): 237*). Thậm chí, Kẻ Chợ còn được ví von với thành Venice trong mô tả của Richard: “những con sông của chúng ta và những cảng buôn bán sầm uất nhất của chúng ta, thậm chí đến cả thành Venice với tất cả những chiếc thuyền mũi cong và tàu đi lại trên sông này cũng không thể nào làm cho người ta hình dung ra được cảnh tấp nập thuyền bè đi lại và sự đông đúc dân cư trên con sông của Kecho” (Nguyễn Thừa Hỷ 2010, *Lịch sử tự nhiên, dân sự và chính trị xứ Đàng Ngoài: 270-273*).

Trong dân gian, người Việt truyền miệng nhau câu thành ngữ: “Thứ nhất Kinh Kỳ, thứ nhì Phố Hiến”. Phố Hiến là đô thị lớn thứ hai ở Đàng Ngoài trong thế kỷ XVII-XVIII, sau Thăng Long - Kẻ Chợ. Hiến là thủ phủ của tỉnh và là nơi đặt dinh cơ của quan Trấn thủ. Theo quan sát của Dampier (2007: 33), ở thế kỷ XVII, Phố Hiến là một nơi nổi tiếng, “Hiến là một thị trấn rất đáng kể với khoảng 2.000 ngôi nhà”. Đến cuối thế kỷ XVIII, Richard khẳng định “sau kinh đô, Hénan [Hiến - Phố Hiến] là một đô thị rộng lớn bậc nhất ở Đàng Ngoài... Dân cư tập trung ở đây rất đông. Đó là một trong những khu chợ chính của vương quốc” (Nguyễn Thừa Hỷ 2010, *Lịch sử tự nhiên, dân*

sự và chính trị xứ Đàng Ngoài: 276). Bia chùa Ứng Thiên dựng năm 1625, cho biết Phố Hiến có 10 phường (Viện Sử học 1989: 199). *Công đức bi ký* tạo năm Vĩnh Thịnh thứ 5 (1709) ở chùa Chuông phản ánh Phố Hiến có các chợ Cựu Đê, Ngoại Đê, Hậu Bi, Hàng Giường, Nội Đất, Hàng Chén, Nón Hoa, Hà Khâu, Hàng Cá, v.v. và các phường buôn bán như Hàng Bè, Hàng Sũ, Hàng Thịt, Cầu Gỗ như ở Kẻ Chợ (Đỗ Thị Bích Tuyền 2006: 48-58). Hoạt động thương mại của Phố Hiến gắn liền với sự năng động của Hoa thương và Nhật thương (Nguyễn Thừa Hỷ 1994; Hoàng Anh Tuấn 2007a: 54-63, 2010b).

Domea (hay Đò Mè với cách gọi nôm của người Việt) hiện diện khá phổ biến trong những tài liệu phương Tây đương thời (Nguyễn Quang Ngọc 2008: 63-77) và được mô tả là “một làng rất đẹp”, “làng lớn đáng kể đầu tiên chúng tôi thấy trong thời gian ở bên bờ con sông này”, thôn có khoảng 100 nóc nhà (Dampier 2007: 30, 33). Để kiểm soát hàng hóa, tàu thuyền, chính quyền Lê - Trịnh đã chọn Domea là nơi neo đậu tàu để làm “thủ tục hải quan” và là nơi lưu trú tạm thời cho những thủy thủ đoàn ngoại quốc. Năm 1778, Abbé Richard cho biết thủy thủ nước ngoài thả neo ở Domea - chỉ có nơi này họ mới được phép đặt cơ sở để tiến hành buôn bán (Pinkerton 1811). Hoạt động giao thương ở Domea dường như diễn ra theo kỳ đến của những con tàu ngoại quốc. Chính vì thế, khi đến Domea, Dampier (2007: 31) khẳng định: “Chúng tôi buông neo và không thấy một ngôi nhà nào gần đây”. Tuy nhiên, “tàu của chúng tôi chưa đậu được bao lâu thì dân chúng các làng xung quanh kéo đến và dựng lên những khu nhà theo kiểu của họ. Chỉ trong vòng một tháng là một thị trấn nhỏ gần ngay nơi chúng tôi thả neo đã hiện ra. Điều này chẳng có gì là lạ ở khắp miền Đông Ấn, nhất là ở những nơi tàu bè phải neo đậu lâu dài. Cư dân nghèo trong xứ lợi dụng dịp này để kiếm chác thêm bất kỳ những gì có thể từ đám thủy thủ nước ngoài

bằng cách trao đổi, cho thuê phòng, xin xỏ và thậm chí là đem phụ nữ ra cho thuê”.

Các đô thị cổ khác như Vân Đồn, Lạng Sơn dù không còn ở thời kỳ phát triển đỉnh cao nhưng vẫn hoạt động ở mức độ nhất định. Bỏ khuyết cho những nguồn tài liệu trong nước nghiên cứu về các tuyến buôn bán nội địa, tài liệu phương Tây ít nhiều đề cập đến việc trao đổi giữa người ở miền đồng bằng với người dân tộc ở miền núi. Ở vùng núi tập trung khá đông dân cư mà theo Richard là “dân tộc Trung Hoa xuất thân từ người Tarta (Thát Đát)...Dân tộc đặc biệt này là dân tộc văn minh nhất ở xứ Đàng Ngoài, có tri thức nhất trong lĩnh vực viết chữ Hán và giao dịch với vùng đồng bằng những hoạt động buôn bán được mọi người biết đến nhưng lại làm giàu cho họ” (Nguyễn Thừa Hỷ 2010, *Lịch sử tự nhiên, dân sự và chính trị xứ Đàng Ngoài*: 290).

5. Tiểu kết

Hàng hóa xuất khẩu ở Đàng Ngoài trong các thế kỷ XVII-XVIII tiêu biểu có tơ lụa, gốm sứ, xạ hương, quế, đồ mỹ nghệ, chủ yếu là những sản phẩm vốn là thế mạnh của Đàng Ngoài, riêng vàng là nơi Đàng Ngoài có khả năng thu mua được từ Trung Quốc. Lực lượng tham gia xuất khẩu hàng hóa tương đối đa dạng, bước đầu ghi nhận sự hoạt động năng động của thương nhân người Việt. Những hoạt động xuất khẩu hàng hóa ở Đàng Ngoài diễn ra mạnh mẽ trong thế kỷ XVII đã góp phần quan trọng kết nối Đàng Ngoài với thị trường các quốc gia trong khu vực và thế giới. Đồng thời, hoạt động xuất khẩu góp phần đáng kể vào sự chuyển biến của bức tranh kinh tế Đàng Ngoài thế kỷ XVII. Tuy nhiên, hoạt động này dần suy thoái từ cuối thế kỷ XVII và cho đến khoảng giữa thế kỷ XVIII thì hoàn toàn ngưng trệ. Đó là hệ quả tất yếu của sự thay đổi chính sách nhà nước từ cởi mở, thông thoáng dần

trở nên khắt khe hơn; bởi thái độ của vua chúa đối với thương nhân ở Đàng Ngoài trở nên lạnh nhạt, thậm chí có thái độ thù địch, nghi kỵ, đặc biệt với hoạt động truyền giáo vốn thường song hành với hoạt động giao thương của một số nước phương Tây nhưng đã bị chính quyền Lê - Trịnh ngăn trở, nâng thành chính sách hạn chế chung đối với người ngoại quốc. Bên cạnh đó, bối cảnh chính trị, kinh tế trong nước diễn biến phức tạp, khởi nghĩa nông dân rầm rộ đã làm gián đoạn hoạt động kinh tế nói chung của Đàng Ngoài, khiến nền sản xuất bị trì trệ. Vì thế, các lực lượng thương nhân châu Âu không còn mặn mà với thị trường Đàng Ngoài. Việc lần lượt rời bỏ Đàng Ngoài của thương nhân ngoại quốc tất yếu dẫn đến sự thoái trào của hoạt động xuất khẩu hàng hóa, đồng thời cũng chấm dứt một thời kỳ ngoại thương sôi động, dập tắt một điểm sáng, một hiện tượng hiếm hoi trong suốt thời kỳ quân chủ của Việt Nam.

Tài liệu trích dẫn

- Aoyagi, Yoji. 1991. “Đồ gốm Việt Nam đào được trên các hòn đảo ở Đông Nam Á”. Tạp chí *Khảo cổ học* 4: 78-82.
- Baldinotti, Giuliano. 1903. “Relatione del viaggio di Tunquin, nuovomente sco perto' [1626]” (Ghi chép về chuyến đi đến xứ Đàng Ngoài, vùng đất mới được phát hiện [1626]). In trong *Bulletin de l'École Française d'Extrême-Orient (BEFEO)* 3: 71-78.
- Buch, W.J. 1936-1937. La Compagnie des Indes Néerlandaises et L'Indochine (Công ty Đông Ấn Hà Lan ở Đông Dương). *Bulletins de l'École Française d'Extrême-Orient (BEFEO)*. Tome 36, 1936: 97-196.
- Cabaton, A. 1908. “Quelques documents Espagnols et Portugais sur l'Indochine aux XVI et XVIIe siècles” (Một số tài liệu Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha về Đông Dương vào các thế kỷ XVI và XVII). In trong *Journal Asiatique (JA)* X.12: 255-292.

- Công ty báo cáo tổng hợp tình hình, triển vọng và một số đề xuất nếu buôn bán với Đàng Ngoài, đề ngày 7/12/1672 - G/12/17-1. *Tonqueen Journall Register*. 25/12/1672 - 7/12/1672. fos. 1-58 (Thuộc tập hồ sơ mã số IOR/G/12/17, tại Thư viện Quốc gia Anh).
- Dampier, William. 2007. *Một chuyến du hành đến Đàng Ngoài năm 1688*. Hà Nội: Nhà xuất bản Thế Giới.
- Dixon, J.M. 1883. "Voyage of the Dutch Ship "Groll" from Hirado to Tongking". *Transactions of the Asiatic Society of Japan*. XI. Yokohama.
- Đại Việt sử ký tục biên (1676 - 1789). 1991. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
- Đỗ Thị Bích Tuyền. 2006. "Văn bia chợ Việt Nam - giá trị tư liệu khi tìm hiểu các vấn đề sinh hoạt xã hội thời phong kiến". Tạp chí *Hán Nôm* 5 (78): 48-58.
- Đỗ Thị Thùy Lan. 2016. *Hệ thống cảng thị trên sông Đàng Ngoài: Lịch sử ngoại thương Việt Nam thế kỷ XVII-XVIII*. Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Đoàn Trọng Truyền. 1960. *Mầm mống tư bản chủ nghĩa và sự phát triển của chủ nghĩa tư bản Việt Nam*. Hà Nội: Nhà xuất bản Sự Thật.
- Dumoutier, G. 1895. "Le comptoir Hollandais de Phố Hiến" (Thương điểm Hà Lan ở Phố Hiến). *Bulletin de géographie historique et descriptive*. G/12/17-8, *Tonkin General to Bantam and London 8 December 1682*, fol. 304r-308v.
- Hà Văn Cần. 1999. "Vấn đề niên đại các trung tâm gốm cổ ở Hải Dương". Tạp chí *Khảo cổ học* 3: 72-90.
- Hà Văn Cần. 2000. *Các trung tâm sản xuất gốm sứ cổ ở Hải Dương*. Luận án Tiến sĩ Khảo cổ học. Khoa Lịch sử, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Hán Văn Khản. 2004. "Đôi điều về gốm thương mại miền Bắc Việt Nam thế kỷ XV-XVII". Tạp chí *Khảo cổ học* 1 (27): 46-58.
- Hoàng Anh Tuấn. 2004. "Mậu dịch gốm sứ của Công ty Đông Ấn Hà Lan với Đàng Ngoài nửa sau thế kỷ XVII". Trang 349-372, trong sách *Đông Á - Đông Nam Á: Những vấn đề lịch sử và hiện tại*, Hà Nội: Nhà xuất bản Thế Giới.
- Hoàng Anh Tuấn. 2005. "Kế hoạch Đông Á và thất bại của Công ty Đông Ấn Anh ở Đàng Ngoài thập niên 70 của thế kỷ XVII". Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* số 9 (353): 28-39.
- Hoàng Anh Tuấn. 2006. "Mậu dịch tơ lụa của công ty Đông Ấn Hà Lan với Đàng Ngoài 1637-1670". Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* 3 (359): 10-20; 4 (360): 24-34.
- Hoàng Anh Tuấn. 2007a. "Hải cảng miền Đông Bắc và hệ thống thương mại Đàng Ngoài thế kỷ XVII (Qua các nguồn tư liệu phương Tây)". Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* số 1 (369): 54-64; 2 (370): 54-63.
- Hoàng Anh Tuấn. 2007b. "Gốm sứ Đàng Ngoài xuất khẩu ra Đông Nam Á thế kỷ XVII: Tư liệu và nhận thức". Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* 11 (379): 28-39.
- Hoàng Anh Tuấn. 2008. "Công ty Đông Ấn Hà Lan ở Đàng Ngoài, 1637-1700". Trang 37-61 trong sách *Sư tử và Rồng: Bốn thế kỷ quan hệ Hà Lan - Việt Nam*, John Kleinen (Chủ biên). Hà Nội: Nhà xuất bản Thế Giới.
- Hoàng Anh Tuấn. 2009a. "Vải lụa và xạ hương xuất khẩu từ Đàng Ngoài sang Hà Lan thế kỷ XVII". *Nghiên cứu Đông Nam Á* 4 (109): 29-37.
- Hoàng Anh Tuấn. 2009b. "Kim loại tiền Nhật Bản và chuyển biến kinh tế - xã hội Đàng Ngoài thế kỷ XVII". Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* 12 (404): 18-30.
- Hoàng Anh Tuấn. 2010a. "Kim loại tiền Nhật Bản và chuyển biến kinh tế - xã hội Đàng Ngoài thế kỷ XVII" (tiếp theo và hết). Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* 1 (405): 53-63.
- Hoàng Anh Tuấn. 2010b. "Xuất khẩu vàng từ Đàng Ngoài sang Coromandel thế kỷ XVII". Tạp chí *Nghiên cứu Đông Nam Á* 9 (126): 19-24.
- Hoàng Anh Tuấn. 2010c. *Tư liệu các Công ty Đông Ấn Hà Lan và Anh về Kế Chợ - Đàng Ngoài thế kỷ XVII*. Hà Nội: Nhà xuất bản Hà Nội.
- Hoàng Anh Tuấn. 2024. *Công ty Đông Ấn Anh ở Đàng Ngoài 1672-1697*, Hà Nội: Nhà xuất bản Hà Nội.
- Jansé, Olov. 1961. "Vietnam - Au carrefour de peoples et de civilisations". *Revue de France - Asie* 165:1645 - 1670, bản dịch Olov Jansé. 2009. "Việt Nam - Ngã tư các tộc người và các nền văn minh". Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* 6 (398): 10-21; 7 (399): 63-73.

- Kikuchi, Seiichi và Yoshida Yasuko. 2007. “Những di vật gốm hoa lam Việt Nam được phát hiện tại Nhật Bản”. Trang 679-687 trong sách *Việt Nam trong hệ thống thương mại châu Á thế kỷ XVI – XVII*, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. Hà Nội: Nhà xuất bản Thế Giới.
- Lê Quý Đôn. 1973. *Văn đài loại ngữ*. Quyển 9. Tập 3. Tủ sách Cổ văn - Ủy ban dịch. Phủ Quốc vụ khanh đặc trách văn hóa xuất bản.
- Lê Thùy Linh. 2023a. “Các làng gốm cổ vùng Kinh Bắc”. In trong *Kỷ yếu hội thảo khoa học Nông thôn Việt Nam trong lịch sử*. Hà Nội: Viện Sử học.
- Lê Thùy Linh. 2023b. “Phù Lãng và Thổ Hà - Hai làng gốm cổ Kinh Bắc”. Tạp chí *Xưa & Nay* 11: 60-64.
- Maybon, Charles B. 2006. *Những người châu Âu ở nước An Nam*. Hà Nội: Nhà xuất bản Thế Giới.
- Nguyễn Đức Nhuận. 2000. “Cải cách của Trịnh Cương đầu thế kỷ XVIII”. Luận án Tiến sĩ Lịch sử, Viện Sử học, Hà Nội.
- Nguyễn Hồng Phong. 1960. “Sự phát triển của kinh tế hàng hóa và vấn đề hình thành chủ nghĩa tư bản ở Việt Nam dưới thời phong kiến”. Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* 11: 4-11; 12 : 36-44; 13: 13-21.
- Nguyễn Mạnh Dũng. 2016. *Quá trình xâm nhập của Pháp vào Việt Nam từ cuối thế kỷ XVII đến giữa thế kỷ XIX nguyên nhân và hệ quả*. Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn Ngọc Nhuận (Chủ biên). 2011. *Điển chế và pháp luật Việt Nam thời trung đại*. Tập I. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
- Nguyễn Quang Ngọc. 2001. “Sông Đàng Ngoài và vị thế phố Hiến xưa”. Tạp chí *Văn hóa Nghệ thuật* 10 (208): 16-17, 52.
- Nguyễn Quang Ngọc. 2006-2007. *Hệ thống cảng biển vùng Đông Bắc thế kỷ XI - XIX - Lịch sử và hiện trạng*. Đề tài Khoa học trọng điểm Đại học Quốc gia Hà Nội, mã số QGTĐ.04.10.
- Nguyễn Quang Ngọc. 2008. “Domea trong hệ thống thương mại Đàng Ngoài thế kỷ XVII - XVIII”. Trang 63-77 trong sách *Sư tử và Rồng: Bốn thế kỷ quan hệ Hà Lan - Việt Nam*, John Kleinen (Chủ biên). Hà Nội: Nhà xuất bản Thế Giới.
- Nguyễn Quang Ngọc. 2009. *Một số vấn đề làng xã Việt Nam*. Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn Thừa Hỷ (Chủ biên). 2010. *Tư liệu văn hiến Thăng Long - Hà Nội (Tuyển tập tư liệu phương Tây)*. Hà Nội: Nhà xuất bản Hà Nội.
- Nguyễn Thừa Hỷ. 1994a. “Pho Hien as Seen from Foreign Sources”. Pp 83-88, In *Pho Hien The Centre of International Commerce in the XVIIth- XVIIIth Centuries*. Association of Vietnamese Historians. People’s Administrative Committee of Hai Hung Province. Hanoi: The Gioi Publishers.
- Nguyễn Thừa Hỷ. 1994b. “Sông Đàng Ngoài và Domea - Một đô thị cổ đã biến mất?”. Tạp chí *Xưa & Nay* 4 (05): 24-25.
- Nguyễn Thừa Hỷ. 2006. “Phải chăng ngoại thương tư nhân Việt Nam đã phát triển từ thế kỷ XVIII?”. Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* 7 (363): 69-70, 68 (tiếp theo trang 70).
- Nguyễn Thừa Hỷ. 2009. “Những thương nhân Hà Lan đầu tiên đến Đàng Ngoài và Kê Chợ năm 1637”. Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* 4 (396): 68-79, 5 (397): 57-66.
- Nguyễn Văn Kim. 2002. “Hệ thống buôn bán ở biển Đông thế kỷ XVI - XVII và vị trí của một số thương cảng Việt Nam” (Một cái nhìn từ điều kiện Địa - Nhân văn). Tạp chí *Nghiên cứu Lịch sử* 1 (320): 45-52.
- Nguyễn Văn Kim. 2003a. *Quan hệ của Nhật Bản với Đông Nam Á thế kỷ XV - XVII*. Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn Văn Kim. 2003b. *Nhật Bản với châu Á - Những mối liên hệ lịch sử và chuyển biến kinh tế - xã hội*. Hà Nội: Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Phan Gia Bền. 1957. *Sơ thảo lịch sử phát triển thủ công nghiệp Việt Nam*. Hà Nội: Nhà xuất bản Văn Sử Địa.
- Phan Huy Chú. 2007. *Lịch triều hiến chương loại chí*. Tập II. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục.
- Phan Huy Lê, Chu Thiên, Vương Hoàng Tuyên, Đinh Xuân Lâm. 1960. *Lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam*. Tập III. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục.
- Pinkerton, John. 1811. *A General Collection of the best and most interesting voyages and travels in all part of the world*. London.
- Quốc sử quán triều Nguyễn. 1998. *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*. Tập II. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục.

- Rhodes, Alexandre. 1994. *Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài*. Thành phố Hồ Chí Minh: Tủ sách Đại Kết, Ủy ban Đoàn kết Công giáo thành phố Hồ Chí Minh.
- Tabulê, G. *Công ty Ấn Độ và Đông Dương*. Hà Nội: Tư liệu dịch của Khoa Sử Đại học Tổng hợp.
- Tăng Bá Hoàn (Cb). 1993. *Gốm Chu Đậu*. Hải Dương: Bảo tàng Hải Dương xuất bản.
- Tăng Bá Hoàn. 2007. “Phát hiện quan trọng về gốm Chu Đậu qua một gia phả”. *Tạp chí Xưa & Nay* 1: 19-24.
- Thành Thế Vỹ. 1961. *Ngoại thương Việt Nam hồi thế kỷ XVII, XVIII và đầu XIX*. Hà Nội: Nhà xuất bản Sử học.
- Thương điểm Đàng Ngoài gửi thư về Bantam qua tàu của người Bồ Đào Nha ngày 10/8/1673 - G/12/17-2, *W. Gyfford's Journall at Tonqueen*, 13/12/1672 - 28/6/1676, fos. 59-149.
- Trương Hữu Quýnh. 2009. *Chế độ ruộng đất và một số vấn đề lịch sử Việt Nam*. Hà Nội: Nhà xuất bản Thế Giới.
- Trương Thị Yến. 1979. “Bước đầu tìm hiểu về chính sách thương nghiệp của nhà nước phong kiến Việt Nam thế kỷ XVII - XVIII”. *Tạp chí Nghiên cứu Lịch sử* 4 (187): 65-76.
- Ủy ban Khoa học xã hội Việt Nam. 1971. *Lịch sử Việt Nam*. Tập I. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học xã hội.
- Viện Sử học. 1989. *Đô thị cổ Việt Nam*. Hà Nội.
- Vương Hoàng Tuyên. 1959. *Tình hình công thương nghiệp Việt Nam trong thời Lê Mạt*. Hà Nội: Nhà xuất bản Văn Sử Địa.